

## CHÚ LOẠI

(Trích trong CHƯ KINH NHẬT TỤNG TẬP YẾU)

Hán dịch: Không rõ tên người dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

### (Ngũ Y Kệ Chú)

*Lành thay! Áo giải thoát*

*Áo ruộng phước vô tướng*

*Đội, phụng mệnh Như Lai*

*Đời đời chẳng buông lìa*

Án, tất đà gia, sa bà ha

ॐ (मङ्गलं सूक्तं)

**Oṃ\_siddhāya svāhā** (3 lần)

### (Thất Y Kệ Chú)

*Lành thay! Áo giải thoát*

*Áo ruộng phước vô tướng*

*Nay con đội đầu, nhận*

*Đời đời thường được mặc*

Án, độ ba độ ba, sa bà ha

ॐ (सुखसुखं सूक्तं)

**Oṃ\_dhūpa dhūpa** (đốt hương, rải hương) **svāhā** (3 lần)

### (Đại Y Kệ Chú)

*Lành thay! Áo giải thoát*

*Áo ruộng phước vô tướng*

*Trì tụng Hạnh Như Lai*

*Rộng độ các chúng sinh*

Án, ma ha ba ca ca ba tra, tất đế, sa ha

ॐ (मङ्गलं सूक्तं)

**Oṃ\_mahā bhappaṭa siddhi svāhā** (3 lần)

### (Ni Sư Đàn Kệ Chú):

*Ngoạ cụ, Ni Sư Đàn*

*Nuôi lớn Tinh mầu Tâm*

*Mở ra lên đất Thánh*

*Vâng giữ mệnh Như Lai*

Án, đàn ba đàn ba, sa hoa

ॐ (दम्भं सूक्तं)

**Oṃ\_dāmbha dāmbha svāhā** (3 lần)

### (Đăng Điện Tháp Chú) (Chú lên Điện Tháp):

*Nam mô tam mãn đà một đà nam. Án, đố bà đố bà, sa bà ha*

ॐ (नमो सूक्तं)

**Namo samanta-buddhānām\_ Om\_ dhūpa dhūpa svāhā (3 lần)**

**ĐĂNG ĐẠO TRƯỜNG CHÚ** (Chú lên Đạo Trường):

*Án, a mật lật đế, hồng, phát tra*

**ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ**

**Om\_ Amṛte hūṃ phaṭ (3 lần)**

**DIÊN THỌ CHÚ** (Chú kéo dài tuổi Thọ):

*Án, tam một đa, phiệt chiết la dụ, tát phộc hạ*

**ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ**

**Om\_ sambuddha vajrāyus svāhā**

**(CẦU TRÍ TUỆ CHÚ):**

*Án, bà la bà la, tam bà la tam bà la, án niết lệ dã, di luân đà ni, hàm la hàm la, chiết lợi-duệ, tỏa ha*

**ॐ ॐ**

**Om\_ Bhara bhara sambhāra sambhāra, indriya merudāni, malla malla jṛīye svāhā**

**TIÊU VẠN BỆNH CHÚ:**

*Án, thất lý đa, thất lý địa, quân tra lợi, sa-phộc hạ*

**ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ**

**Om\_ śrīta śrīta-kuṇḍali svāhā (3 lần)**

**THẤT PHẬT DIỆT TỘI CHÚ:**

*Án, mâu ni mâu ni, tam mâu ni, tát phộc hạ*

**ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ**

**Om\_ muṇi muṇi saṃmuṇi svāhā**

**DIỆT TỘI CHÂN NGÔN:**

*Án, mâu ni, tát phộc hạ*

**ॐ ॐ ॐ ॐ**

**Om\_ muṇi svāhā**

**HỘ THÂN CHÚ:**

*Án, phộc tức la, a ni, bát la ni ập đa gia, sa ha*

**ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ**

**Om\_ vajra aniṅja prāptāya svāhā (3 lần)**

**CỨU KHỔ CHÚ:**

*Án, ma lật tác, hồng, tát phộc hạ*

**ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ**

**Om\_ Mrakṣa hūṃ svāhā**

**ĐOẠN ÔN CHÚ** (Chú chặt dứt bệnh Ôn Dịch):

*Án, ô luân ni, ô luân ni, hồng, phát tra*

**ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ**

**Oṃ Ullūni hūṃ phaṭ**  
**Nhập Xí Chú** (Chú đi vào nhà cầu):

*Án, ngân lỗ đà gia, sa ha*

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

**Oṃ krodhāya svāhā** (3 lần)

**Tẩy Tịnh Chú:**

*Án, hạ năng, mật lật đế, sa ha*

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

**Oṃ hāna mṛte svāhā**

**Khử Uế Chú:**

*Án, thất lợi duê, bà ê, sa ha*

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

**Oṃ śriye vahi svāhā** (3 lần)

**Tẩy Thủ Chú:**

*Án, chủ ca la dã, sa ha*

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

**Oṃ sukarāya svāhā** (3 lần)

**Tịnh Thân Chú:**

*Án, bạt chiết não ca, sa ha*

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

**Oṃ vajra-udaka svāhā** (3 lần)

**Hạ Sàng Chú** (Chú bước xuống giường):

*Án, địa lợi, nhật lý, sa ha*

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

**Oṃ dhīri jrī svāhā** (3 lần)

**Hành Bộ Bất Thương Trùng Chú** (Chú khi bước đi chẳng gây hại cho côn trùng):

*Án, địa lợi, nhật lợi, sa bà ha*

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

**Oṃ dhīri jrī svāhā** (3 lần)

**(Ma Lợi Chi Thiên Thần Chú):**

*Nam mô phật đà gia*

*Nam mô đát ma gia*

*Nam mô tăng già gia*

*Đát điệt tha: át la ca mạt tu, ma la ca mạt tu, tô đồ mạt tu, chi bát la mạt tu, ma ha chi bát la mạt tu, ma lợi chi dạ mạt tu, an đát đà na dạ mạt tu, nam mô tuy đô đế, sa phộc ha*

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

**Namo buddhāya  
Namo dharmāya  
Namo saṃghāya**

**Tadyathā: Arka maṣi, marka maṣi, sudhā maṣi, jvala maṣi, mahā-jvala-  
maṣi, marīciya maṣi, antardhānaya maṣi namo stute, svāhā**

**Công Đức Thiên Chú:**

Cầu cúng Trời (trai thiên), thiêu đốt vàng mã (hóa chỉ)

Cho **Thiên Tiên** nhớ ăn

Kỳ ma la, hô đế lô (1) ô trú hô đế lô (2) câu tra na, hô đế lô (3) nhược mật kỳ lô  
(4) sa ha

**Hoa Nghiêm Bồ Khuyết Chú:**

*Nam mô tam mẫn đa một đà nam, a bát la đế hát đa, chiết chiết nại di.*

*Án, kê di kê di, đất tháp cát tháp nam, mặt ngoã sơn đĩnh, bát la đế, ô đất ma đất  
ma, đất tháp cát tháp nam mặt ngoã, hồng phát, sa ha*

ॐ मम मम वृक्षं वृक्षं मम मम मम मम मम मम

ॐ (ॐ)(ॐ)(ॐ) उरुव विव वरु उरुम उरुम गणगण उरुव हं हं  
सुह

**Namaḥ samanta-buddhānāṃ, apratihata śāsanānāṃ**

**Om\_ kiṇi kiṇi, tathāgata udbhava, śānte-prade, uttama uttama, tathāgata  
udbhava, hūṃ phaṭ svāhā**

**Kỳ Vũ Chú (Chú cầu mưa):**

*Án, đa điệt tha: sa la sa la, tất lợi tất lợi, tô lô tô lô, na ca nam, đồ bà đồ bà, thị tỳ  
thị tỳ, thụ phù thụ phù. Do Thần Lực của Đức Phật cho nên hàng Đại Long Vương  
mau đến bên trong cõi Diêm Phù Đề này, tuôn rót cơn mưa lớn. Già la già la, chỉ lợi  
chỉ lợi, chu lậu chu lậu, sa bà ha*

ॐ गुरुय सरसर मरेमरे सुसु सुसु गगनं रुवरुव रुविरुव  
रुवरुव मरुगग गगगग वृक्षं वृक्षं ॐ रुवृ वृष वृषं वृषं  
वृषं वृषं सुह

**Om\_Tadyathā: sara sara, siri siri, suru suru, nāgānāṃ \_ java java, jivi  
jivi, juvu juvu\_ Mahā-nāga āgacchata, buddha-satyena īha jambu-dvīpe,  
pravarṣa-dhvaṃ\_ cara cara, ciri ciri, curu curu\_ svāhā**

**Vũ Bảo Đà La Ni Tâm Chân Ngôn:**

*Án, phộc tổ đà lê, sa-phộc hạ*

ॐ वसुधारे सुह

**Om \_ vasudhāri svāhā**

**Diên Mệnh Đà La Ni:**

*Hồng hồng, thi khí, tát-phộc hạ*

ॐ ॐ (ॐ)(ॐ) सुह

**Hūṃ hūṃ śikhi svāhā**

**Thần Chú của hai Đức Phật:**

**Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai**

Ngự tọa tại phương Đông  
Trong Thế Giới **Mãn Nguyệt**  
Ánh sáng từ đỉnh kế  
Chiếu soi Môn bí mật  
Diễn nói Đà La Ni  
Tùy Tâm thỏa mãn Nguyên  
Tăng Phước, tiêu nạn tai  
*Nam mô bạc già phật đế, bệ sát xã lũ lỗ, bệ lru ly, bát lạt bà, hạt la xà đã, đát đa  
yết đa gia, a la hát đế, tam miếu tam bột đà gia*

*Đát nễ đã tha: Án, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xã, tam một yết đế, sa ha*  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
**Namo bhagavate bhaisajya-guru-vaidurya-prabha-rājāya tathāgatāya  
arhate samyaksambuddhāya**

**Tadyathā: Om \_ bhaisajye bhaisajye bhaisajya samudgate svāhā**

**Dược Sư Như Lai**

Hay trừ chín nạn  
Tăng Phước tiêu tai  
Hai Phật diễn hóa tại Sa Bà  
Đông: **A Súc**, Tây **Di Đà**  
Ba mươi điều Đại Giới  
Phạm **Ba La Phạ Diêm La**  
Siêng **sám Hối**, tội tiêu tan

*Nam mô bạc già phật đế, a khúc sô bệ ngã gia, đát tha ngã đa gia, a la hát đế,  
tam miếu tam bột đà gia*

*Đát nễ đã tha : Án, ngã ngã ninh, ngã ngã ninh, lỗ chỉ đế lỗ chỉ đế, đát la xoa  
ninh, đát la xoa ninh, đát la xoa ninh, đát la xoa ninh, ba ba la đế, ba ba la đế, hạ đa  
ninh, hạ đa ninh, bát la hạ đa ninh, bát la hạ đa ninh, tát lý phộc yết lý ma, bát lý ba la  
gia, a khúc sô bệ đã gia độ, sa ha*

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

**Namo bhagavate Akṣobhyāya tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya**

**Tadyathā: Om\_ Gagani gagani, rucani rucani, traṣani traṣani traṣani  
traṣani, bhava-rāti bhava-rāti, hatani hatani, prahatani prahatani, sarva karma  
pariprayākṣobhyāyatu svāhā**

Niệm **Di Đà**, nghiệp tội nặng nhẹ tiêu tan hết.  
Như Lai lập bày Giáo  
Thương xót Chúng như biển  
Nhiều như vườn rừng chốn Sa Bà

**\_Thiện Tài** cầu Đạo, xướng Huyền Ca  
**Thiện Tri Chúng** Nghệ thương tuyên nói

Nghe ngâm nga  
A ða ba tà na la tha bà  
Trà sa phộc ða ðã sất tra ca sa  
Ma già tha ðỗ toả ðà xa khư  
Hư sa ða nhưỡng hạt la ða bà xa sa ma ha bà  
Sai già tra noa sa bà sa ca ha ðã sa thất tả sả ðà

अ र च व न ल र व  
र ष व ग य ष क स  
म ग व रू स व र व  
क स रू व र क स रू  
स च ० न रू स अ ष ० रू

A ra pa ca na la da ba  
ḍa ṣa va ta ya ṣṭa ka sa  
ma ga tha ja sva dha śa kha  
kṣa sta ña rtha bha cha sma hva  
tsa gha ṭha na pha ska ysa śca ṭa ḍha

Thiện Tài nghe Nghi Khoa này  
Thân Tâm sáng khoái được an hòa  
Xướng **Hoa Nghiêm Kinh Tự Mẫu**, Tội liền tiêu tan

Chuẩn Đề Bồ Tát Đại Từ Bi

Cứu tai ách hiểm nguy  
buông lìa hẳn ba đường, tám nạn  
Siêng chuyên Niệm, chứng Bồ Đề  
*Nam mô tát ðoá nam, tam miểu tam bồ ðà, câu chi nam. Đát ðiệt tha: Ân, chiết lý,*  
*chủ lý, chuẩn ðề, sa hạ*

Án, ma ni bát mê hồng

Án, xỉ lâm

Án, bộ lâm

ॐ म न म प न म मृ क व क क ॐ न कृ ष ॐ व व व व व व व व व व

ॐ म म प अ क

ॐ ॐ

ॐ ॐ

Namo saptānāṃ samyaksaṃbuddha koṭīnāṃ Tadyathā: Om \_ cale cule  
cuṇḍhe svāhā

Om \_ maṇi padme hūṃ

Om \_ śrhyiṃ

Om \_ bhrūṃ

Đại Thánh Chủ A Di Đà

Ngự tọa ở phương Tây  
Trên hoa sen màu nhiệm  
Thật trang nghiêm vi diệu  
Hơn hẳn Lưu Ly biếc  
Ánh hào quang tươi sáng

Kính trọng chạm Bồ Đề  
Cây báu, giao lưới võng  
Âm giọng chim Tần Già  
Hòa nước tuôn, gió thổi  
Diễn nói Pháp rộng lớn  
Ao bảy báu, hoa bốn màu  
Phun trào sóng vàng ròng

**\_Từ Thị Đại Bồ Tát**

Trụ địa vị **Bồ Xứ**

Hiện ngụ ở cung Trời  
Cung ngoài: nhà Pháp Vương  
Thắng cảnh bày Nội Viện  
Bên trong điện Ma Ni  
Diễn nói Pháp nhiệm màu  
Chúng sinh được nghe thấy  
Diệt hết hà sa tội  
Nguyện sinh trong Nội Viện  
Được vào hội **Long Hoa**

*Nam mô a lý gia mật để lý đã, mạo địa tát đát gia*

*Đát nễ đã tha: Án, mật để lý, mật để lý, mật đát la, ma nẵng tỳ duệ, sa ha*

ॐ ॐ

**Namo ārya-maitreya-bodhisatvāya**

**Tadyathā: Oṃ \_ maitri maitri, maitra-manasiye svāhā**

Thoạt tiên Chúng thanh tịnh hiện trước mặt, phát Tâm Bồ Đề đều dùng sự kiên thành phụng tụng Nhân tốt lành màu nhiệm của Như Lai. Thịnh mời Trời Đất, cảm tạ Long Thân, chúc tụng xung tán:

“Vạn vạn mùa xuân trôi qua, ân **Cù Lao** của cha mẹ. Oán thân trong ba đường tám nạn của Pháp Giới, ra cõi cảnh luân hồi, sinh về tịnh thổ, lễ **Từ Tôn**

**Nguyện** đem Công Đức này hồi thí cho khắp cả, lợi ích cho quần mê, miễn trừ tai ách hiểm nguy...Bốn Ân ba Cõi chúng Bồ Đề

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật”

\_Hết\_

05/05/2013